



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

aš

tu

jis

ji

tai

mes

jūs

jie

ką

kas

kur

kodėl

kaip

kuris

kada

tada

jeigu

tikrai

bet

nes

ne

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

šis

tas

visi
bendras

arba

ir

čia

ten

kairė

dešinė

dabar

popietė

rytas
9:00-11:00

naktis

rytas
6:00-9:00

vakaras

vidurdienis

vidurnaktis

valanda

minutė

sekundė

diena

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

savaitė

mėnuo

metai

vakar

šiandien

rytoj

pirmadienis

antradienis

trečiadienis

ketvirtadienis

penktadienis

šeštadienis

sekmadienis

moteris

vyras
bendras

meilė

vaikinas

mergina

draugas

bučiny

seksas

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

vaikas

mergaitė

berniukas

mama

tėtis

motina

tėvas

tėvai

sūnus

dukra

jaunesnioji sesuo

jaunesnysis brolis

vyresnioji sesuo

vyresnysis brolis

vyras
šeima

žmona

kiekvienas

visada

iš tikrųjų

vėl

jau

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

mažiau

daugiausiai

daugiau

nėra

labai

išorėje

viduje

toli

arti

žemiau

virš

šalia

priekis

atgal

visi
žmonės

kartu

kitas

pavasaris

vasara

ruduo

žiema

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

sausis

vasaris

kovas

balandis
mėnuo

gegužė

birželis

liepa

rugpjūtis

rugšėjis

spalis

lapkritis

gruodis

šiaurė

rytai

pietūs
<> šiaurė

vakarai

dažnai

nedelsiant

staiga

nors

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

nulis

vienas

du

trys

keturi

penki

šeši

septyni

aštuoni

devyni

dešimt

vienuolika

dvylika

trylika

keturiolika

penkiolika

šešiolika

septyniolika

aštuoniolika

devyniolika

dvidešimt

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

dvidešimt vienas

dvidešimt du

dvidešimt šeši

trisdešimt

trisdešimt vienas

trisdešimt trys

trisdešimt septyni

keturiasdešimt

keturiasdešimt vienas

keturiasdešimt keturi

keturiasdešimt aštuoni

penkiasdešimt

penkiasdešimt vienas

penkiasdešimt penki

penkiasdešimt devyni

šešiasdešimt

šešiasdešimt vienas

šešiasdešimt du

šešiasdešimt šeši

septyniasdešimt

septyniasdešimt vienas

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

septyniasdešimt trys

septyniasdešimt septyni

aštuoniasdešimt

aštuoniasdešimt vienas

aštuoniasdešimt keturi

aštuoniasdešimt aštuoni

devyniasdešimt

devyniasdešimt vienas

devyniasdešimt penki

devyniasdešimt devyni

šimtas

šimtas vienas

šimtas penki

šimtas dešimt

šimtas penkiasdešimt vienas

du šimtai

du šimtai du

du šimtai šeši

du šimtai dvidešimt

du šimtai šešiasdešimt du

trys šimtai

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

trys šimtai trys

trys šimtai septyni

trys šimtai trisdešimt

trys šimtai septyniasdešimt
trys

keturi šimtai

keturi šimtai keturi

keturi šimtai aštuoni

keturi šimtai keturiasdešimt

keturi šimtai
aštuoniasdešimt keturi

penki šimtai

penki šimtai penki

penki šimtai devyni

penki šimtai penkiasdešimt

penki šimtai devyniasdešimt
penki

šeši šimtai

šeši šimtai vienas

šeši šimtai šeši

šeši šimtai šešiolika

šeši šimtai šešiasdešimt

septyni šimtai

septyni šimtai du

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

septyni šimtai septyni

septyni šimtai dvidešimt
septyni

septyni šimtai
septyniasdešimt

aštuoni šimtai

aštuoni šimtai trys

aštuoni šimtai aštuoni

aštuoni šimtai trisdešimt
aštuoni

aštuoni šimtai
aštuoniasdešimt

devyni šimtai

devyni šimtai keturi

devyni šimtai devyni

devyni šimtai keturiasdešimt
devyni

devyni šimtai
devyniasdešimt

tūkstantis

tūkstantis vienas

tūkstantis dvylika

tūkstantis du šimtai
trisdešimt keturi

du tūkstančiai

du tūkstančiai du

du tūkstančiai dvidešimt trys

du tūkstančiai trys šimtai
keturiasdešimt penki

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

trys tūkstančiai

trys tūkstančiai trys

keturi tūkstančiai

keturi tūkstančiai
keturiasdešimt penki

penki tūkstančiai

penki tūkstančiai šeši šimtai
septyniasdešimt aštuoni

šeši tūkstančiai

septyni tūkstančiai

septyni tūkstančiai aštuoni
šimtai devyniasdešimt

aštuoni tūkstančiai

aštuoni tūkstančiai devyni
šimtai vienas

devyni tūkstančiai

devyni tūkstančiai
devyniasdešimt

dešimt tūkstančių

dešimt tūkstančių vienas

dvidešimt tūkstančių
dvidešimt

trisdešimt tūkstančių trys
šimtai

keturiasdešimt keturi
tūkstančiai

šimtas tūkstančių

penki šimtai tūkstančių

vienas milijonas

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

šeši milijonai

dešimt milijonų

septyniasdešimt milijonų

šimtas milijonų

aštuoni šimtai milijonų

vienas milijardas

devyni milijardai

dešimt milijardų

dvidešimt milijardų

šimtas milijardų

trys šimtai milijardų

vienas trilijonas

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

žinoti

galvoti

ateiti

dėti

imti

rasti

klausytis

dirbti

kalbėti

duoti

mėgti

padėti

mylėti

skambinti

laukti

stovėti

sėdėti

uždaryti

atidaryti
durys

prarasti

laimėti

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

mirti

gyventi

įjungti

išjungti

žudyti

sužeisti

liesti

žiūrėti

gerti

valgyti

vaikščioti

susitikti

lažintis

bučiuoti

sekti

vesti

atsakyti

paklausti

traukti

stumti

spausti

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

pataikyti

pagauti

kovoti

mesti

bėgti

skaityti

rašyti

taisyti

skaičiuoti

pjaustyti

parduoti

pirkti

mokėti

studijuoti

svajoti

miegoti

žaisti

švęsti

mėgautis

valyti

šaudyti

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

ginti

pulti

vogti

degti

gelbėti

skristi

spjauti

spirti

įkasti

kvėpuoti

uostyti

verkti

dainuoti

šypsotis

juoktis

augti

susitraukti

ginčytis

dalintis

maitinti

paslėpti

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

įspėti

plaukti

šokinėti

pakelti

kasti

pristatyti

ieškoti

praktikuoti

keliauti

dažyti

atidaryti
užraktas

užrakinti

plauti

melstis

gaminti

vemti

šaukti

cituoti

spausdinti

apskaičiuoti

uždirbti

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

naujas

senas
naujas

keli

daug

neteisingas

teisingas

blogas
bendras

geras

laimingas

trumpas

ilgas

mažas

didelis

gražus

jaunas

senas
jaunas

balta

juoda

raudona

mėlyna

žalia

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

geltona

lėtas

greitas

juokingas

nesąžiningas

sąžiningas

sudėtingas

lengvas
sudėtingas

turtingas

neturtingas

stiprus

silpnas

saugus

pavargęs

besididžiuojantis

sotus

sergantis

sveikas

piktas

žemas
diagrama

aukštas
diagrama

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

saldus

rūgštus

minkštas

kietas
minkštas

mielas

kvailas
smegenys

pamišęs

užimtas

aukštas
kūnas

žemas
kūnas

neramus

nustebęs

gerai besielgiantis

blogas
žmogus

protingas

šalta

karšta

oranžinė

pilka

ruda

rožinė

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

nuobodus

sunkus

lengvas
hantelis

vienišas

alkanas

ištroškęs

liūdnas

status

plokščias

siauras

platus

gilus

negilus

didžiulis

purvinas

švarus

pilnas

tuščias

brangus

pigus

seksualus

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

đốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

tingus

drąsus

dosnus

šlapia

sausas

garsus

tylus
80%

saulėta

lietinga

miglota

debesuota

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

gimnastika

tenisas

bėgimas

dviračių sportas

golfas

futbolas

krepšinis

plaukimas

nardymas

žygiavimas

maratonas

triatlonas

stalo tenisas

sunkioji atletika

boksas

badmintonas

dailusis čiuožimas

snieglenčių sportas

slidinėjimas

lygumų slidinėjimas

ledo ritulys

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

tinklinis

rankinis

paplūdimio tinklinis

regbis

kriketas

beisbolas

amerikietiškas futbolas

vandensvydis

šuoliai į vandenį

banglenčių sportas

buriavimas

irklavimas

joga

šokiai

šuoelis parašiotu

šachmatai

pokeris

boulingas

baletas

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

kiaulė

karvė

arklys

šuo

avis

beždžionė

katė

meška

višta

antis

drugelis

bitė

žuvis
gyvūnas

voras

gyvatė

tigras

pelė
gyvūnas

triušis

liūtas

asilas

dramblys

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

balandis
gyvūnas

vabalas

uodas

musė

skruzdėlė

banginis

ryklis

delfinas

sraigė

varlė

panda

baltasis lokys

vilkas

koala

kengūra

žirafa

lapė

begemotas

šikšnosparnis

kranklys

gulbė

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

žuvėdra

pelėda

pingvinas

papūga

vikšras

laumžirgis

kalmaras

aštuonkojis

jūrų arkliukas

ruonis

medūza

krabas

dinozauras

vėžlys
bendras

krokodilas

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Europa

Azija

Amerika

Afrika

Jungtinė Karalystė

Ispanija

Šveicarija

Italija

Prancūzija

Vokietija

Tailandas

Singapūras

Rusija

Japonija

Izraelis

Indija

Kinija

Jungtinės Amerikos Valstijos

Meksika

Kanada

Čilė

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brazilija

Argentina

Pietų Afrika

Nigerija

Marokas

Libija

Kenija

Alžyras

Egiptas

Naujoji Zelandija

Australija

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

galva

nosis

plaukas

burna

ausis

akis

plauštaka

pėda

širdis

smegenys

kaklas

užpakalis

petys

kelis

koja

ranka

pilvas

krūtis

nugara

dantis

liežuvis

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

lūpa

pirštas

kojų pirštas

skrandis

plaučiai

kepenys

nervas

inkstas

žarnynas

kakta

smakras

skruostas

barzda

nykštys

mažasis pirštas

bevardis pirštas

vidurinis pirštas

rodомasis pirštas

piršto nagas

kulnas

stuburas

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

raumuo

kaulas
kūnas

skeletas

šonkaulis

slankstelis

šlapimo pūslė

vena

arterija

makštis

sperma

varpa

sėklidė

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

durys

virtuvė

vonia
namas

gyvenamasis kambarys

miegamasis

sodas

garažas

siena

rūsys

tualetas
namas

laiptai

stogas

langas
pastatas

peilis

puodelis
karšta

stiklinė

lėkštė

puodelis
šalta

šiukšlių dėžė

dubenėlis

rašomasis stalas

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

lova

veidrodis

dušas

sofa

paveikslas

laikrodis
siena

stalas

kėdė

kaimynas

liftas

balkonas

palėpė

kaminas

medinis šaukštas

valgymo lazdelė

stalo įrankiai

šaukštas

šakutė

samtis

puodas

keptuvė

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

lemputė

knygų lentyna

užuolaida

čiūžinys

pagalvė

antklodė

lentyna

stalčius

spinta

kibiras

šluota

svarstyklės

skalbinių krepšys

vonia
vanduo

vonios rankšluostis

muilas

tualetinis popierius

rankšluostis

kriauklė
vonia

kopėčios

pašto dėžutė

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

tvora



hàng rào

Thức ăn

kiaušinis

sūris

pienas

žuvis
maistas

mėsa

kaulas
maistas

aliejus

duona

cukrus

šokoladas

saldainis

pyragas

vanduo

kava

arbata

alus

vynas

salotos

sriuba

desertas

pusryčiai

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pietūs
maistas

vakariene

pica

ledai

sviestas

jogurtas

tunas

lašiša

kumpis

šoninė

dešra

kalakutiena

vištiena

jautiena

kiauliena

ėriena

moliūgas

grybas

triufelis

česnakas

poras

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

imbieras

baklažanas

saldžioji bulvė

morka

agurkas

čili pipiras

paprika

svogūnas

bulvė

žiedinis kopūstas

kopūstas

brokolis

salota

špinatai

bambukas
maistas

kukurūzas

salieras

žirnis

pupelė

kriaušė

obuolys

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

alyvuogė

figa

datulė

kokosas

migdolas

lazdyno riešutas

žemės riešutas

bananas

mangas

kivis

avokadas

ananasas

arbūzas

vynuogė

melionas

avietė

mėlynė

braškė

vyšnia

slyva

abrikosas

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dứa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

persikas

citrina

greipfrutas

apelsinas

pomidoras

mėta

citrinžolė

cinamonas

vanilė

druska

pipiras

karis

tabakas

tofu

actas

makaronas

sojų pienas

miltai

ryžis

aviža

kvietys

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soja

riešutas

medus

uogienė

kramtomoji guma

blynas

sausainis

pudingas

bandelė

spurga

energetinis gėrimas

apelsinų sultys

obuolių sultys

pieno kokteilis

kola

karštas šokoladas

kokteilis

romas

viskis

degtinė

menu

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

jūros gėrybės

spagečiai

suši

spragėsiai

traškučiai

vištų sparneliai

skrudintos bulvytės

garstyčios

majonezas

pomidorų padažas

sumuštinis

dešrainis

mėsainis

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

knyga

biblioteka

namų darbai

egzaminas

pamoka

mokslas

istorija

menas

rašiklis

pieštukas

pirmas

antras

trečias

ketvirtas

moksliniai tyrimai

laipsnis

sporto aikštelė

žodynas

terminas

sąsiuvinis

geometrija

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politika

filosofija

ekonomika

fizinis lavinimas

biologija

matematika

geografija

literatūra

chemija

fizika

liniuotė

trintukas

žirklys

lipni juosta

klijai

tušinukas

sąvaržėlė

trys procentai

šimtas procentų

nulis procentų

kubinis metras

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

kvadratinis metras

mylia

metras
100cm

milimetras

centimetras

decimetras

sudėtis

atimtis

daugyba

dalyba

plotas

tūris

stačiakampis

kvadratas

trikampis

apskritimas

litras

mililitras

tona

kilogramas

gramas

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnetas

mikroskopas

piltuvėlis

laboratorija

paskaita

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

pelenai

ugnis

deimantas

mėnulis

saulė

žvaigždė

planeta

pakrantė

ežeras

miškas

dykuma

kalva

uola

upė

slėnis

kalnas

sala

vandenynas

jūra

ledas

sniegas

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

audra

lietus

vėjas

medis

žolė

rožė

gėlė

metalas

dirvožemis

lava

akmens anglis

smėlis

molis

raketa

palydovas

galaktika

asteroidas

žemynas

pusiaujas

Pietų ašigalis

Šiaurės ašigalis

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

upelis

atogrąžų miškai

urvas

krioklys

krantas

ledynas

žemės drebėjimas

krateris

ugnikalnis

atmosfera

potvynis

rūkas

vaivorykštė

griaustinis

žaibas

perkūnija

temperatūra

taifūnas

uraganas

debesis

šaka

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

lapas

šaknis

kamienas

sėkla

plastikas

anglies dioksidas

atomas

geležis

deguonis

auksas

sidabras

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

automobilis

autobusas

traukinys

traukinių stotis

autobusų stotelė

lėktuvas

laivas

sunkvežimis

dviratis

motociklas

taksi

šviesoforas

automobilių stovėjimo
aikštelė

kelias

akumuliatorius

variklis
automobilis

oro pagalvė

vairas

saugos diržas

padanga

bagažinė

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

bilietų pardavimo automatas	bilietų kasa	metro
greitasis traukinys	lokomotyvas	tramvajus
mokyklinis autobusas	mikroautobusas	oro uostas
aviakompanija	sraigtasparnis	pirmoji klasė
ekonominė klasė	verslo klasė	gelbėjimosi liemenė
konteineris	povandeninis laivas	kruizinis laivas
konteinerių laivas	jachta	keltas

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

uostas

gelbėjimo valtis

radaras

gatvės šviesos

šaligatvis

degalinė

statybų aikštelė

pėsčiųjų perėja

eismo spūstys

greitkelis

tankas

ekskavatorius

traktorius

priekaba

motoroleris

lynų keltuvas

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

ligoninė

mokykla

namas
namas

sąskaita

turgus

parduotuvė

butas

universitetas

ūkis

bažnyčia

restoranas

baras

sporto salė

parkas

tualetas
parkas

žemėlapis

greitoji pagalba

policija

ugniagesiai

šalis

priemiestis

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

kaimas

garantija

prekybos centras

vaistinė

dangoraižis

pilis

ambasada

sinagoga

šventykla

gamykla

mečetė

miesto rotušė

paštas

fontanas

naktinis klubas

suoliukas

golfo laukas

futbolo stadionas

plaukimo baseinas
pastatas

teniso aikštelė

turizmo informacija

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kazino

meno galerija

muziejus

nacionalinis parkas

suvenyras

akvariumas

vandens nusileidimo
kalneliai

amerikietiški kalneliai

vandens parkas

zoologijos sodas

žaidimų aikštelė

avarinis išėjimas
pastatas

gaisro signalizacija

gesintuvas

policijos nuovada

valstybė

regionas

sostinė

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

nelaimingas atsitikimas

pacientas

operacija

tabletė

karščiavimas

kosulys

skubios pagalbos skyrius

intensyviosios terapijos
skyrius

laukiamasis

aspirinas

migdomieji

galiojimo laikas

dozavimas

sirupas nuo kosulio

šalutinis poveikis

insulinas

milteliai

kapsulė

vitaminas

skausmą malšinantis vaistas

antibiotikai

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakterija

virusas

širdies priepuolis

viduriavimas

diabetas

insultas

astma

vėžys

gripas

danties skausmas

saulės nudegimas

gerklės skausmas

skrandžio skausmas

infekcija

alergija

mėšlungis

galvos skausmas

švirkštas

ramentas

rentgeno nuotrauka

ultragarso aparatas

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

pleistras

neįgaliojo vežimėlis

įtvaras

pulsas

sužalojimas

skubi pagalba

smegenų sukrėtimas

nudegimas

lūžis

kontraceptinė tabletė

nėštumo testas

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

gydytojas

slaugytoja

policininkas

prezidentas

kapitonas

detektyvas

pilotas

profesorius

mokytojas

advokatas

sekretorė

asistentas

teisėjas
teismas

vadovas

virėjas

taksi vairuotojas

autobuso vairuotojas

modelis

menininkas

ministras pirmininkas

vaistininkas

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

ugniagesys

odontologas

verslininkas

politikas

programuotojas

stiuardėsė

mokslininkas

darželio auklėtoja

architektas

buhalteris

konsultantas

prokuroras

generalinis vadybininkas

asmens sargybinis

nuomotojas

padavėjas

apsaugos darbuotojas

kareivis

žvejys

valytojas

santechnikas

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektrikas

ūkininkas

registratore

paštininkas

kasininkas

kirpējas

autorius

žurnalistas

fotografas

gelbētojas

dainininkas

muzikantas

aktorijs

reporteris

treneris

teisējas
sportas

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

pinigai

biuras

stresas

draudimas

personalas

skyrius

atlyginimas

adresas

laiškas

telefono numeris

url

el. pašto adresas

interneto svetainė

el. laiškas

parašas

nuostolis

pelnas

klientas

suma

kredito kortelė

slaptažodis

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

bankomatas

mokestis

susitikimų kambarys

vizitinė kortelė

IT

žmogiškieji ištekliai

teisės skyrius

buhalterinė apskaita

rinkodara

pardavimas

kolega

darbdavys

darbuotojas

užrašai

pristatymas

aplankas
biuras

guminis antspaudas

projektorius

siuntinys

pašto ženklas

vokas

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

naršyklė

investicija

akcijų birža

banknotas

moneta

palūkanos

paskola

sąskaitos numeris

banko sąskaita

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefonas

televizorius
prietaisas

fotoaparatas

radijas

ventiliatorius

oro kondicionierius

kavos aparatas

skrudintuvas

dulkių siurblys

plaukų džiovintuvas

virdulys

indaplovė

viryklė

orkaitė

mikrobangų krosnelė

šaldytuvas

skalbimo mašina

nuotolinio valdymo pultas

ausinės

pelė
kompiuteris

klaviatūra

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

kietasis diskas

USB atmintinė

skeneris

spausdintuvas

ekranas
kompiuteris

nešiojamas kompiuteris

robotas

garsiakalbis

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt